TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/DS-PT
Ngày 24/5/2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương, ông Ma Hồng Thắng;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang***: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLPT - DS, ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST, ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2024/QĐ-PT, ngày 28 tháng 3 năm 2024; quyết định hoãn phiên toà số 57/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Ng**, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà **Đinh Thị Ng** là anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, và ông **Nguyễn Trung L**, sinh năm 1958 - Hộ khẩu thường trú: Thôn Lưu Ph, xã Ngũ H, huyện Thanh T, thành phố Hà N (nơi ở: Số nhà 85, tổ 12, phường Phan Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q). anh Th và ông L có mặt.

2. *Bị đơn:* - Ông **Vũ Xuân N**, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Có mặt.

- Ông **Vũ Sinh Q**, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn 6, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Uỷ ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang**.

Địa chỉ: Phường An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn V**, Chức vụ: Trưởng Phòng TNVMT thành phố Tuyên Q. (Có đơn xét xử vắng mặt).

- UBND xã Kim P, thành phố Tuyên Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Hồng Ch,** Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Kim P, thành phố Tuyên Q.

- Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

- Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

Người làm chứng:

- Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

- Ông **Vũ Khiếu L1**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

(Ông Ch, bà K, bà H vắng mặt không có lý do; ông M, ông L1 có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn bà Đinh Thị Ng là anh Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Trung L trình bày:

Ngày 15/12/1991 vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Đinh Thị Ng (ông Nguyễn Thanh T chết ngày 21/01/2000), địa chỉ: Thôn 7, xã Kim P, huyện Yên S (nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q, được UBND xã Kim P giao 4,1 ha đất trồng rừng thuộc khu Đồi Giếng, địa chỉ: Thôn 7, xã Kim P, huyện Yên S (nay là thành phố Tuyên Q), do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong sổ Lâm bạ. Sau khi được giao đất trồng rừng nêu trên, do gia đình ông T, bà Ng khi đó không có nhân lực để trồng rừng, nên ông Vũ Xuân N trước đây cư trú xóm 11, xã Trung M, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q (nay ông Vũ Xuân N trú tại thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q và ông Vũ Sinh Q ở thôn 6, xã Kim P, huyện Yên S (nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q, có thỏa thuận miệng với ông T góp công sức để cùng trồng cây keo trên diện tích 4,1 ha đất trồng rừng trên, khi nào được thu hoạch, thì cùng được hưởng tiền bán lâm sản như nhau. Tháng 02/2005, Nhà nước cho khai thác cây keo, gia đình bà Ng với tư cách là chủ vườn rừng đã làm thủ tục khai thác và bán cây keo được bao nhiêu tiền đã chia đều cho gia đình bà Ng, ông N và ông Q như thỏa thuận, nên hợp đồng miệng góp công trồng cây keo, giữa ông T với ông N và ông Q chấm dứt từ ngày 15/4/2005. Sau khi thu hoạch cây keo xong, ngày 19/5/2005 gia đình bà Ng trồng cây keo mới thì ông N và ông Q đến tranh chấp đất vườn rừng này, UBND xã Kim P giải quyết, nhưng ông N và ông Q vẫn cố tình trồng cây keo trên đất có tranh chấp với gia đình bà Ng chưa được giải quyết xong. Năm 2000 ông T chết, năm 2014, bà Ng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Biên bản nhượng đất lập ngày 06/5/1993, giữa ông Nguyễn Thanh T với ông Vũ Quốc N (Vũ Xuân N) và ông Vũ Sinh Q vô hiệu; yêu cầu xử buộc ông

N và ông Q có trách nhiệm trả lại bà Ng toàn bộ diện tích đất trồng keo đã xâm chiếm. Năm 2020, do xã Kim P, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q, chuyển địa giới hành chính về thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, nên vụ án được chuyển đến Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và ông Vũ Xuân N cùng nhất trí thỏa thuận, hòa giải thành toàn bộ nội dung giải quyết tranh chấp giữa bà Đinh Thị Ng với ông Vũ Xuân N cụ thể như sau:

1. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Biên bản nhượng đất giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Vũ Quốc N (Vũ Xuân N), ông Vũ Sinh Q lập ngày 06 tháng 5 năm 1993, vô hiệu toàn bộ phần đất đối với ông Vũ Quốc N (Vũ Xuân N).

2. Ông Vũ Xuân N có trách nhiệm thu hoạch, di chuyển toàn bộ cây keo và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho bà Đinh Thị Ng toàn bộ diện tích đất trồng rừng là 13.563,7m^2, địa chỉ thửa đất: Đồi Giếng, thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, như sơ đồ mảnh trích đo đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo, vẽ, biên tập.

Bà Đinh Thị Ng và các đương sự có quyền, nghĩa vụ làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất trên cho bà Đinh Thị Ng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước).

3. Bà Đinh Thị Ng có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân N số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền cải tạo diện tích 13.563,7m^2 đất trồng rừng.

4. Bà Đinh Thị Ng tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ phần của ông Vũ Xuân N phải hoàn trả lại cho bà Đinh Thị Ng là 3.442.279 đồng (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bẩy chín đồng),* số tiền này bà Đinh Thị Ng đã chi trả xong.

5. Bà Đinh Thị Ng tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tự thỏa thuận, hòa giải thành với ông Vũ Xuân N theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung tranh chấp giữa bà Ng với ông Vũ Sinh Q: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết tuyên Biên bản nhượng đất giữa ông Nguyễn Thanh T với ông Vũ Quốc N (Vũ Xuân N), ông Vũ Sinh Q đề ngày 06/5/1993 vô hiệu toàn bộ, vì lý do Biên bản chuyển nhượng này không đúng quy định của pháp luật là đất cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Đinh Thị Ng, nhưng không có sự đồng ý của bà Đinh Thị Ng; đất không được phép chuyển nhượng, nhưng vẫn chuyển nhượng; việc chuyển nhượng đất không có công chứng, chứng thực; chuyển nhượng đất không làm thủ tục tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hợp đồng vi phạm cả về hình thức và nội dung.

Yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Vũ Sinh Q, bà Đỗ Thị H có trách nhiệm thu hoạch, di chuyển toàn bộ cây keo và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho bà Ng toàn bộ diện tích đất trồng rừng ông Q, bà H đang sử dụng.

Yêu cầu ông Q hoàn trả lại cho bà Ng toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản có tranh chấp.

Đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang bà Ng đã chi trả xong, nên bà Ng tự nguyện chịu toàn bộ mà không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Xuân N trình bày: Năm 1991 gia đình ông Nguyễn Thanh T ở thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, có ký nhận và làm sổ Lâm bạ 4,1ha đất trồng rừng thuộc khu Đồi Giếng ở thôn 7, xã Kim P, huyện Yên S (Nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q. Sau khi được giao đất trồng rừng, đến khoảng tháng 5/1993 do hộ ông T khi đó không có điều kiện kinh tế, nhân lực để trồng rừng nên ông T gọi ông N và ông Vũ Sinh Q ở thôn 6, xã Kim P, huyện Yên S (nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q, có thỏa thuận nhượng lại cho ngư và ông Q mỗi người 1/3 của diện tích 4,1ha đất trồng rừng để trồng cây keo. Khi thỏa thuận các bên có viết Biên bản nhượng đất giữa ông Nguyễn Thanh T với ông N và ông Vũ Sinh Q đề ngày 06/5/1993 do ông Lê Văn M viết hộ và có sự chứng kiến của ông Vũ Khiếu L1. Sau khi thỏa thuận xong, ông T, ông N và ông Q đã chia lô và ranh giới rõ ràng mỗi người sử dụng 1/3, gia đình ông N sử dụng đất ổn định từ ngày 06/5/1993 đến nay.

Bị đơn ông Vũ Sinh Q trình bày: Năm 1991 gia đình ông Nguyễn Thanh T ở thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, có ký nhận và làm sổ Lâm bạ 4,1ha đất trồng rừng thuộc khu Đồi Giếng ở thôn 7, xã Kim P, huyện Yên S (Nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q. Sau khi được giao đất trồng rừng, do hộ ông T khi đó không có điều kiện kinh tế, nhân lực để trồng rừng, nên ông T gọi ông Q và ông N trước đây ở xóm 11, xã Trung M, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q (nay ông N ở thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q) sinh sống, có thỏa thuận nhượng lại cho Q và ông N mỗi người 1/3 của diện tích 4,1ha đất trồng rừng để trồng cây keo; giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ông Q và ông N trả bằng công lao động cho ông T và 03 hộ cùng chịu thuế với Nhà nước. Khi thỏa thuận các bên có viết Biên bản nhượng đất giữa ông Nguyễn Thành T với ông Vũ Quốc N, ông Vũ Sinh Q đề ngày 06/5/1993 do ông Lê Văn M ở thôn 7, xã Kim P, huyện Yên S (Nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q viết hộ và có sự chứng kiến của ông Vũ Khiếu L1 ở thôn 6, xã Kim P, huyện Yên S (Nay là thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q chứng kiến. Sau khi thỏa thuận xong, ông T và ông Q đã chia lô và ranh giới rõ ràng mỗi người sử dụng 1/3. Đến tháng 02/2005, ông Q và ông N, bà Ng họp thống nhất bán toàn bộ rừng keo lấy tiền chia đều cho 03 hộ sau đó 03 hộ tự trồng cây keo theo diện tích đất đã phân chia nhau. Ông Q xác định gia đình ông sử dụng đất ổn định từ ngày 06/5/1993 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Q xác định bà Ng kiện tranh chấp đất trồng rừng với ông Q thì bà Ng phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng tiền cải tạo đất trồng rừng, thì ông Q nhất trí hòa giải. Nếu không được ông Q hoàn toàn không nhất trí

với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với nội dung anh Th, ông L và ông N hòa giải thành với nhau tại phiên tòa ông Q nhất trí và không có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Tuyên Q trình bày: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Đinh Thị Ng với bị đơn ông Vũ Xuân N và ông Vũ Sinh Q thì UBND thành phố Tuyên Q xác định không có liên quan, nên không có ý kiến và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết nội dung gì. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án dân sự trên theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của UBND xã Kim P trình bày: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Đinh Thị Ng với bị đơn ông Vũ Xuân N và ông Vũ Sinh Q thì UBND xã Kim P, thành phố Tuyên Q xác định không có liên quan. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án dân sự trên theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà K là vợ ông Vũ Xuân N, việc bà Đinh Thị Ng tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình nhà bà K và gia đình ông Vũ Sinh Q, bà K có biết và bà K nhất trí như ông Vũ Xuân N đã trình bày với Tòa án.

Bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H là vợ ông Vũ Sinh Q, bà nhất trí nội dung trình bày của ông Q, việc bà Ng tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình bà H, bà H xác định gia đình bà đã sử dụng đất ổn định từ ngày 06/5/1993 đến nay, bà H đề nghị bà Ng phải trả cho vợ chồng bà số tiền 200.000.000 đồng tiền cải tạo đất.

Người làm chứng ông Lê Văn M và ông Vũ Khiếu L1 đều trình bày: Năm 1993 ông Nguyễn Thanh T là chồng bà Đinh Thị Ng có khoảng hơn 4ha đất trồng rừng, nhưng do không có nhân lực, nên ông T đã thỏa thuận với ông Vũ Xuân N và ông Vũ Sinh Q chuyển nhượng cho ông N sử dụng 1/3, ông Q sử dụng 1/3 và ông T sử dụng 1/3 của diện tích khoảng hơn 4ha đất trồng rừng, ông M là người đã viết Biên bản chuyển nhượng đất hộ vào ngày 06/5/1993 là đúng, nhưng không ghi rõ số tiền, sau đó các hộ sử dụng đất như thế nào ông M và ông L1 không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST, ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; 39; 147; 157; 158; 227; 228; 235; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 13; 15; 16 của Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991. Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Tuyên xử:

** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Ng.*

Tuyên bố Biên bản nhượng đất giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Vũ Quốc N (Vũ Xuân N), ông Vũ Sinh Q lập ngày 06 tháng 5 năm 1993 vô hiệu toàn bộ.

1. *Công nhận sự thoả thuận của các đương sự*:

- Ông Vũ Xuân N có trách nhiệm thu hoạch, di chuyển toàn bộ cây keo và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho bà Đinh Thị Ng toàn bộ diện tích đất trồng rừng là 13.563,7m^2 , địa chỉ thửa đất: Đồi Giếng, thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1), như sơ đồ mảnh trích đo đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Q đo, vẽ, biên tập ngày 14/4/2023 kèm theo bản án này.

- Bà Đinh Thị Ng có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân N tổng cộng là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền cải tạo diện tích 13.563,7m^2 đất trồng rừng trên.

2. Buộc ông Vũ Sinh Q và bà Đỗ Thị H có trách nhiệm thu hoạch, di chuyển toàn bộ cây keo và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho bà Đinh Thị Ng toàn bộ diện tích đất trồng rừng là 9.993,3m^2 , địa chỉ thửa đất: Đồi Giếng, thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (đất được giới hạn bởi các điểm 10, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 11, 10), như sơ đồ mảnh trích đo đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Q đo, vẽ, biên tập ngày 14/4/2023 kèm theo bản án này.

Bà Đinh Thị Ng và các đương sự trong vụ án này có quyền, nghĩa vụ làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất trên cho bà Đinh Thị Ng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước).

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2023, ông Vũ Sinh Q kháng cáo bản án số 123/2023/DS-ST, ngày 12/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, đề nghị Toà án xem xét giải quyết lại phần tranh chấp đất trồng rừng của bà Đinh Thị Ng đối với ông Q theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Vũ Sinh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã trình bày nêu trên.

Ông Vũ Xuân N đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Sinh Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST, ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Sinh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 18/10/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Vũ Sinh Q. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung kháng cáo của ông Vũ Sinh Q, đề nghị Toà án xem xét giải quyết lại bản án số 123/2023/DS-ST, ngày 12/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, phần tranh chấp đất trồng rừng của bà Đinh Thị Ng đối với ông Q Hội đồng xét xử thấy: Ngày 15 tháng 12 năm 1991 hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T, địa chỉ: Đội 7, HTX Vinh P, xã Kim P, huyện Yên S (Nay là xã Kim P, thành phố Tuyên Q), tỉnh Tuyên Q có đơn xin mượn đất làm vườn rừng, số nhân khẩu 6 người, số lao động 2 người, diện tích đất vườn rừng xin mượn là: 4,1 ha; cùng ngày 15 tháng 12 năm 1991 Uỷ ban nhân dân xã Kim P đã ban hành Quyết định số 02 giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T diện tích đất vườn rừng 4,1 ha. Sơ đồ vườn rừng có tỷ lệ: 1/10.000; khu đất ông Nguyễn Thanh T được giao có một cạnh giáp với khu T235; một cạnh giáp Đồi Điền; một cạnh giáp với nhà ông T1, ông V1; một cạnh giáp với hồ ông L2; một cạnh giáp với đồi chè. Ngày 06/5/1993 giữa ông Nguyễn Thanh T, ông Vũ Quốc N và ông Vũ Sinh Q cùng lập biên bản nhượng đất cho ông Vũ Quốc N 1/3 diện tích và nhượng đất cho ông Vũ Sinh Q 1/3 diện tích, biên bản nhượng đất có chữ ký và ghi họ tên của ông Nguyễn Thanh T, ông Vũ Quốc N và ông Vũ Sinh Q. Biên bản nhượng đất ngày 06/5/1993 giữa ông Nguyễn Thanh T, ông Vũ Quốc N và ông Vũ Sinh Q nhưng không có tài liệu thể hiện ông N và ông Q đã thanh toán tiền nhượng đất cho ông T, diện tích đất 4,1 ha cấp cho hộ gia đình gồm 6 nhân khẩu ông T làm chủ hộ, nhưng khi lập biên bản nhượng đất không được sự đồng ý của bà Đinh Thị Ng và các con của bà Ng, Biên bản nhượng đất ngày 06/5/1993 không có xác nhận của chính quyền địa phương, không được công chứng chứng thực. Do vậy, Biên bản nhượng đất ngày 06/5/1993 giữa ông Nguyễn Thanh T, ông Vũ Quốc N và ông Vũ Sinh Q là vô hiệu. Ông Vũ Quốc N và ông Vũ Sinh Q không thanh toán tiền cho ông Nguyễn Thanh T khi chuyển nhượng đất nên không phải giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên toà phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của minh. Do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Sinh Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Sinh Q, về việc đề nghị Toà án giải quyết lại bản án số 123/2023/DS-ST, ngày 12/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, phần tranh chấp đất trồng rừng của bà Đinh Thị Ng đối với ông Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST, ngày 12/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Ng.

Tuyên bố Biên bản nhượng đất giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Vũ Quốc N (Vũ Xuân N), ông Vũ Sinh Q, lập ngày 06 tháng 5 năm 1993 vô hiệu toàn bộ.

***** Công nhận sự thoả thuận giữa bà Đinh Thị Ng và ông Vũ Xuân N như sau:

- Ông Vũ Xuân N có trách nhiệm thu hoạch, di chuyển hoặc chặt bỏ toàn bộ cây keo và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho bà Đinh Thị Ng toàn bộ diện tích đất 13.563,7m^2, địa chỉ thửa đất: Đồi Giếng, thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1), như sơ đồ mảnh trích đo đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo, vẽ, biên tập ngày 14/4/2023.

- Bà Đinh Thị Ng có trách nhiệm trả cho ông Vũ Xuân N tổng số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền cải tạo diện tích 13.563,7m^2 đất trồng rừng trên.

* Buộc ông Vũ Sinh Q và bà Đỗ Thị H có trách nhiệm thu hoạch, di chuyển hoặc chặt bỏ toàn bộ cây keo và tài sản gắn liền với đất để trả lại cho bà Đinh Thị Ng toàn bộ diện tích đất 9.993,3m^2, địa chỉ thửa đất: Đồi Giếng, thôn 7, xã Kim P, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q (đất được giới hạn bởi các điểm 10, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 11, 10), như sơ đồ mảnh trích đo đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo, vẽ, biên tập ngày 14/4/2023.

"Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong số tiền nêu trên".

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Sinh Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai số: 0000158 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang ngày 23/10/2023. Ông Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/5/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nam